

Phụ lục III  
Appendix III

BẢN CUNG CÁP THÔNG TIN  
CURRICULUM VITAE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of  
Finance)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025

Hanoi, day 23 month 04 year 2025

BẢN CUNG CÁP THÔNG TIN/ CURRICULUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: ROH JONGKAB

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 03/05/1973

4/ Nơi sinh/Place of birth: Hàn Quốc/ Republic of Korea

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): M957P2638

Ngày cấp/Date of issue: 27/09/2022 Nơi cấp/Place of issue: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc/ Korean Ministry of Foreign Affairs

6/ Quốc tịch/Nationality: Hàn Quốc/ Republic of Korea

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: 102-2902, 354, Omok-ro, Yangcheon-gu, Seoul, Republic of Korea

9/ Số điện thoại/Telephone number: +82-10-2723-3361

10/ Địa chỉ email/Email: jkroh@kbfg.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần chứng khoán KB Việt Nam/ KB Securities Vietnam Joint Stock Company

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Chủ tịch HĐQT/ Chairman of BOD

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Managing Director in KB Securities Co., Ltd

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares: 0 share , accounting for 0.% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): Không/ None

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: Không/ None

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không/ None

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /List of affiliated persons of declarant:

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

| Stt<br>No | Mã CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên<br>Name | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu<br>có) | Chức<br>vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có)<br>Positio<br>n at the<br>compa | Mối quan hệ<br>đối với công<br>ty/ người nói<br>bô<br>Relationship<br>with the<br>company/ | Loại hình<br>Giấy NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of<br>documents/ | Số<br>Giấy<br>NSH<br>(*)/<br>NSH<br>No. | Ngày<br>cấp<br>Date<br>of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa<br>chỉ liên hệ<br>Address /<br>Head office<br>address | Số<br>cổ<br>phiế<br>u sở<br>hữu<br>cuối<br>kỳ<br>Num | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percen<br>t age of | Thời<br>điểm bắt<br>đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>ty/ người | Lý do<br>(khi phát<br>sinh thay<br>đổi liên<br>quan đến<br>mục 13<br>và 14)<br>Reasons | Ghi chú<br>(về việc<br>không có<br>số Giấy<br>NSH và<br>các ghi<br>chú<br>khác) |
|-----------|-------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
|-----------|-------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|



**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)



**ROH JONGKAB**

**Phụ lục III  
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
CURRICULUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of  
Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom – Happiness**

-----

*Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025*

*Hanoi, day 23 month 04 year 2025*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CURRICULUM VITAE**

Kính gửi:   - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
              - Sở Giao dịch chứng khoán.

To:       - The State Securities Commission;  
          - The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: JEON MUN CHEOL

2/ Giới tính/Sex: Nam/ Male

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 12/09/1966

4/ Nơi sinh/Place of birth: Hàn Quốc/ Korea

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): M22446420

Ngày cấp/Date of issue: 19/11/2019

Nơi cấp/Place of issue: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc/ Korean Ministry of Foreign Affairs

6/ Quốc tịch/Nationality: Hàn Quốc/ Republic of Korea

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: Daewoo Apartment 109-1401, Gangsueon Village, Juyeop-dong, Ilsanseo-gu, Gyeonggi-do, Republic of Korea

9/ Số điện thoại/Telephone number: 094.804.7211

10/ Địa chỉ email/Email: muncheol.jeon@kbsec.com.vn

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam/ KB Securities Vietnam Joint Stock Company

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Tổng Giám đốc và thành viên Hội đồng Quản trị/ Chief Executive Officer and member of the BOD

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares: 0 share, accounting for 0% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): Không có/ None

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: Không có/ None

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không có/ None

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /List of affiliated persons of declarant: Không có/ None

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

| Stt<br>No | Mã CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên<br>Name | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoản | Chức<br>vụ tại<br>công ty<br>(nếu<br>có)<br>Positio | Mối quan<br>hệ đối<br>với công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Relations | Loại hình<br>Giấy NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/ | Số Giấy<br>NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address /<br>Head office | Số<br>cổ<br>phiế<br>u sở<br>hữu<br>cuối | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Thời<br>điểm bắt<br>đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên quan | Lý do<br>(khi phát<br>sinh thay<br>đổi liên<br>quan đến<br>mục 13 | Ghi chú<br>(về việc<br>không thay<br>số Giấy<br>NSH và<br>các ghi |
|-----------|-------------------------------|----------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|-----------|-------------------------------|----------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|

|   |   |               | (nếu có)<br>Securities trading accounts (if available) | Not at the company (if available) | Relationship with the company/ internal person | Giấy ĐKKD)<br>Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate) |   |   |    |    | address | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Time the person became an affiliated person/ internal person | Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person | Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14) | chú khác)<br>Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes) |
|---|---|---------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---|---|----|----|---------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 2 | 3             | 4                                                      | 5                                 | 6                                              | 7                                                                                | 8 | 9 | 10 | 11 | 12      | 13                                              | 14                                                  | 15                                                           | 16                                                                 | 17                                                              |                                                                          |
| 1 |   | Chon Heewon   | Không/ No                                              | Không/ No                         | Bố (Father)                                    | Hộ chiếu/ Passport                                                               |   |   |    |    |         |                                                 |                                                     |                                                              |                                                                    |                                                                 |                                                                          |
| 2 |   | Kim Lacouk    | Không/ No                                              | Không/ No                         | Mẹ (Mother)                                    | Hộ chiếu/ Passport                                                               |   |   |    |    |         |                                                 |                                                     |                                                              |                                                                    |                                                                 |                                                                          |
| 3 |   | Hur Eumyoung  | Không/ No                                              | Không/ No                         | Vợ (Wife)                                      | Hộ chiếu/ Passport                                                               |   |   |    |    |         |                                                 |                                                     |                                                              |                                                                    |                                                                 |                                                                          |
| 4 |   | Chun Jimmin   | Không/ No                                              | Không/ No                         | Em gái (Sister)                                | Hộ chiếu/ Passport                                                               |   |   |    |    |         |                                                 |                                                     |                                                              |                                                                    |                                                                 |                                                                          |
| 5 |   | Chun Hyunsig  | Không/ No                                              | Không/ No                         | Em trai (Brother)                              | Hộ chiếu/ Passport                                                               |   |   |    |    |         |                                                 |                                                     |                                                              |                                                                    |                                                                 |                                                                          |
| 6 |   | Jeon Sunbin   | Không/ No                                              | Không/ No                         | Con (Child)                                    | Hộ chiếu/ Passport                                                               |   |   |    |    |         |                                                 |                                                     |                                                              |                                                                    |                                                                 |                                                                          |
| 7 |   | Jeon Sangwook | Không/ No                                              | Không/ No                         | Con (Child)                                    | Hộ chiếu/ Passport                                                               |   |   |    |    |         |                                                 |                                                     |                                                              |                                                                    |                                                                 |                                                                          |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any):  
Không có/ None

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*  
Không có/ *None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/ *I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)



**JEON MUN CHEOL**

**Phụ lục III  
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
CURRICULUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of  
Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom – Happiness**

-----

*Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2025  
Hanoi, day 23 month 04 year 2025*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CURRICULUM VITAE**

Kính gửi:   - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
              - Sở Giao dịch chứng khoán.

To:       - The State Securities Commission;  
          - The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: CHOI YUNSUN

2/ Giới tính/Sex: Nam/ Male

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 18/07/1979

4/ Nơi sinh/Place of birth: Hàn Quốc/ Korea

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): M63860465

Ngày cấp/Date of issue: 11/03/2021

Nơi cấp/Place of issue: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc/ Korean Ministry of Foreign Affairs

6/ Quốc tịch/Nationality: Hàn Quốc/ Republic of Korea

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: 109-1904, 19, Shinbanpo-ro 15gil, Seocho-gu, Seoul, Korea.

9/ Số điện/Telephone number: 0912.605.442

10/ Địa chỉ email/Email: yunsun.choi@kbsec.com.vn

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam/ KB Securities Vietnam Joint Stock Company

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Giám đốc Tài chính và thành viên Hội đồng Quản trị/ Chief Financial Officer and member of the BOD

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares: 0 shares , accounting for 0 % of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): Không có/ None

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: Không có/ None

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không có/ None

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /List of affiliated persons of declarant:

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

| Stt<br>No. | Mã CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên<br>Name | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có)<br>Position<br>at the<br>company | Mối quan hệ<br>đối với công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Relationship<br>with the<br>company/ | Loại hình Giấy<br>NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of | Số Giấy<br>NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp<br>Date of<br>issue | Nơi<br>cấp<br>Place<br>of<br>issue | Địa chỉ<br>trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address<br>/ Head | Số cổ<br>phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number<br>of<br>shares | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percent<br>age of | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ | Thời điểm<br>không còn<br>là người<br>có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội | Lý do<br>(khi phát<br>sinh thay<br>đổi liên<br>quan đến<br>mục 13<br>và 14) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú<br>khác) Notes<br>(i.e. not in |
|------------|-------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
|------------|-------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |   |                |              | accounts<br>(if<br>available) | (if<br>available)           | internal<br>person    | documents(<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate) |   |                       |    |    | office<br>address | owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Time the<br>person<br>became<br>an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | bỏ Time<br>the person<br>ceased to<br>be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related to<br>sections<br>of 13 and<br>14) | possession of<br>a NSH No.<br>and other<br>notes)                                                              |
|---|---|----------------|--------------|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------|---|-----------------------|----|----|-------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 2 | 3              | 4            | 5                             | 6                           | 7                     | 8                                                                      | 9 | 10                    | 11 | 12 | 13                | 14                                         | 15                                                   | 16                                                                                | 17                                                                                         |                                                                                      |                                                                                                                |
| 1 |   | Shim<br>Mira   | Không/<br>No | Không/<br>No                  | Vợ/<br>Wife                 | Hộ chiếu/<br>Passport |                                                                        |   | Hàn<br>Quốc/<br>Korea |    |    |                   |                                            |                                                      |                                                                                   |                                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                |
| 2 |   | Choi<br>Jaewon | Không/<br>No | Không/<br>No                  | Con trai/<br>Son            | Hộ chiếu/<br>Passport |                                                                        |   | Hàn<br>Quốc/<br>Korea |    |    |                   |                                            |                                                      |                                                                                   |                                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                |
| 3 |   | Choi<br>Hyojeo | Không/<br>No | Không/<br>No                  | Con gái/<br>Daughter        | Hộ chiếu/<br>Passport |                                                                        |   | Hàn<br>Quốc/<br>Korea |    |    |                   |                                            |                                                      |                                                                                   |                                                                                            |                                                                                      |                                                                                                                |
| 4 |   |                |              |                               | Bố đẻ/<br>Father            |                       |                                                                        |   |                       |    |    |                   |                                            |                                                      |                                                                                   |                                                                                            |                                                                                      | Người liên<br>quan không<br>cung cấp<br>thông tin/<br>The relevant<br>person did<br>not provide<br>information |
| 5 |   |                |              |                               | Mẹ đẻ/<br>Mother            |                       |                                                                        |   |                       |    |    |                   |                                            |                                                      |                                                                                   |                                                                                            |                                                                                      | Người liên<br>quan không<br>cung cấp<br>thông tin/<br>The relevant<br>person did<br>not provide<br>information |
| 6 |   |                |              |                               | Bố vợ/<br>Father-in-<br>law |                       |                                                                        |   |                       |    |    |                   |                                            |                                                      |                                                                                   |                                                                                            |                                                                                      | Người liên<br>quan không<br>cung cấp<br>thông tin/<br>The relevant<br>person did<br>not provide<br>information |



**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)

A stylized handwritten signature in blue ink, consisting of several loops and a long horizontal stroke at the end.

**CHOI YUNSUN**

Phụ lục III  
Appendix III

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
CURRICULUM VITAE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)  
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**  
-----

Hà Nội., ngày 23 tháng 04 năm 2025  
Hanoi., day 23 month 04 year 2025

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CURRICULUM VITAE**

Kính gửi:    - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
                  - Sở Giao dịch chứng khoán.  
  
To:            - The State Securities Commission;  
                  - The Stock Exchange.

- 1/ Họ và tên /Full name: PARK CHUNSOO  
2/ Giới tính/Sex: Nam/Male  
3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 12/09/1969  
4/ Nơi sinh/Place of birth: Hàn Quốc/ Republic of Korea  
5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): M53548096  
Ngày cấp/Date of issue: 06/03/2017  
Nơi cấp/Place of issue: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc/ Korea Ministry of Foreign Affairs  
6/ Quốc tịch/Nationality: Hàn Quốc/ Republic of Korea

Ans. Paula

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: 221, Seolleung-ro, Gangnamgu, Seoul, Korea

9/ Số điện thoại/Telephone number: +82-10-8746-8628

10/ Địa chỉ email/Email: peter.c.park@kbfg.com

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam/ KB Securities Vietnam Joint Stock Company

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure: Thành viên Hội đồng quản trị/ Member of the BOD

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies: Senior Managing Director in KB Securities Co.,Ltd

14/ Số CP nắm giữ: 0 chiếm 0 % vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares 0. , accounting for 0% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation): Không/None

+ Cá nhân sở hữu/ Owning by Individual: Không/None

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other owning commitments (if any): Không/None

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /List of affiliated persons of declarant:

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

| Stt<br>No | Mã CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên<br>Name | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>accounts<br>(if<br>available<br>) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có)<br>Position<br>at the<br>company<br>(if<br>available<br>) | Mối quan<br>hệ đối với<br>công ty/<br>người nội<br>bộ<br>Relationshi<br>p with the<br>company/<br>internal<br>person | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>documents(<br>ID/Passpor<br>t/ Business<br>Registratio | Số Giấy NSH<br>(*)/ NSH No. | Ngày cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ<br>trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ<br>liên hệ<br>Address<br>Head<br>office<br>addres<br>s | Số cổ<br>phiếu<br>sở hữu<br>cuối<br>kỳ<br>Number<br>r of<br>shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối<br>kỳ<br>Percen<br>t age<br>of<br>shares<br>owned<br>at the | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Time the<br>person<br>became an<br>affiliated<br>person/<br>internal | Thời<br>điểm<br>còn là<br>người<br>có liên<br>quan<br>của<br>công ty/<br>người<br>nội bộ<br>Time the<br>person<br>was<br>an<br>affiliated<br>person/<br>the | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi liên<br>quan<br>đến<br>mục 13<br>và 14)<br>Reason<br>s<br>(when | Ghi chú<br>(về việc<br>không<br>có số<br>NSH và<br>các ghi<br>chú<br>khác)<br>Notes<br>(i.e. not<br>in<br>posessio |
|-----------|-------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|-----------|-------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)

  
**PARK CHUNSOO**